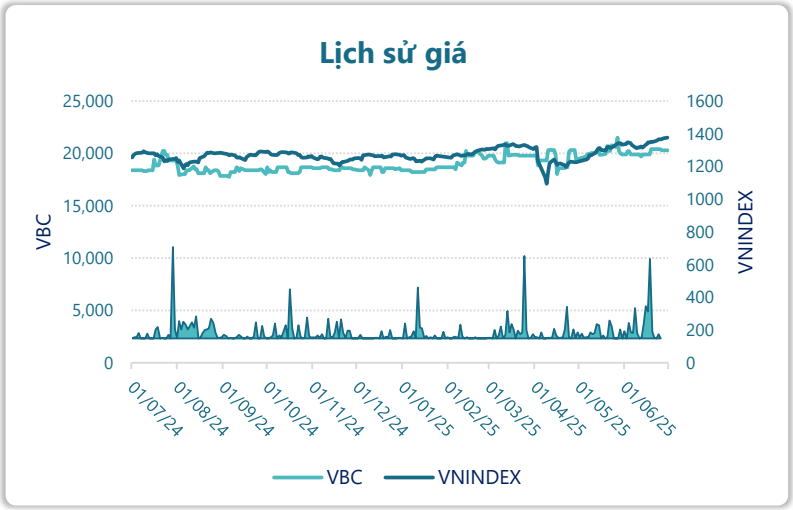
CTCP Nhựa - Bao bì Vinh (HNX: VBC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,749
SL cổ phiếu LH	7,499,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,075
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	152
P/E	5.3
EPS	3,845

DT thuần

Q2/25

232

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.0| 23.8%

YoY: ▲ 42.0| 21.9%

LN sau thuế

Q2/25

7.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.61| 8.7%

YoY: ▲ 0.84| 12.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.9%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

6T 2025

418

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0| 9.2%

LN sau thuế

6T 2025

14.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.90| 6.8%

ROE

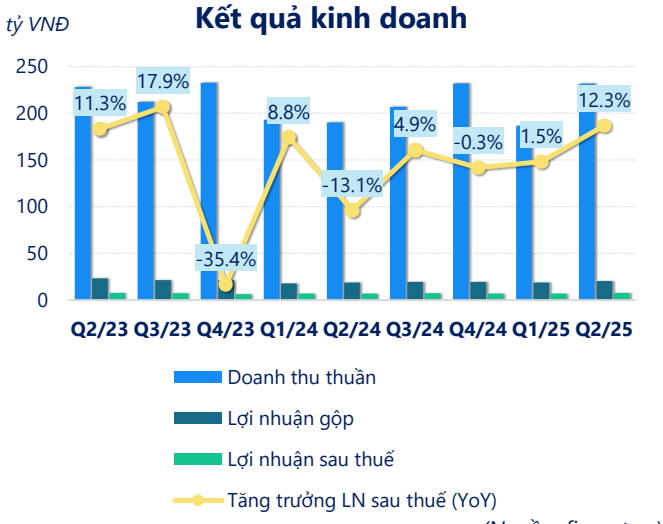
Q2/25

18.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

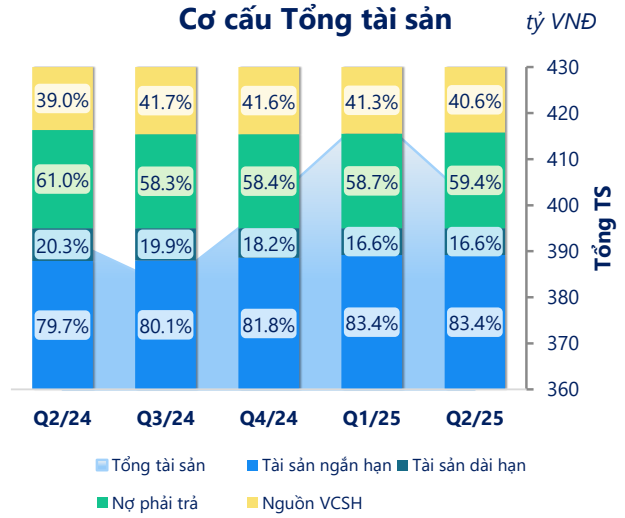
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



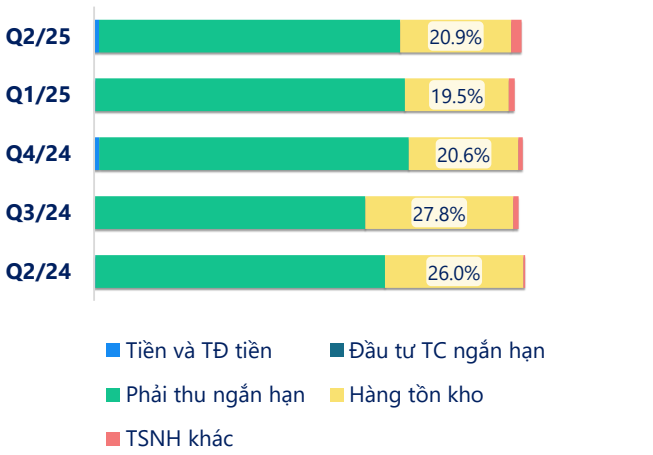
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



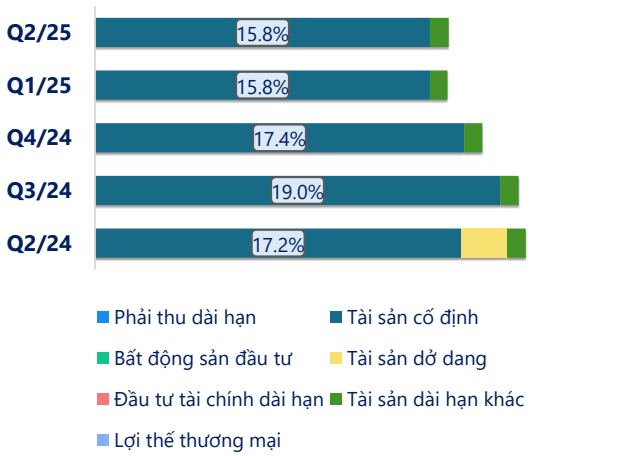
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



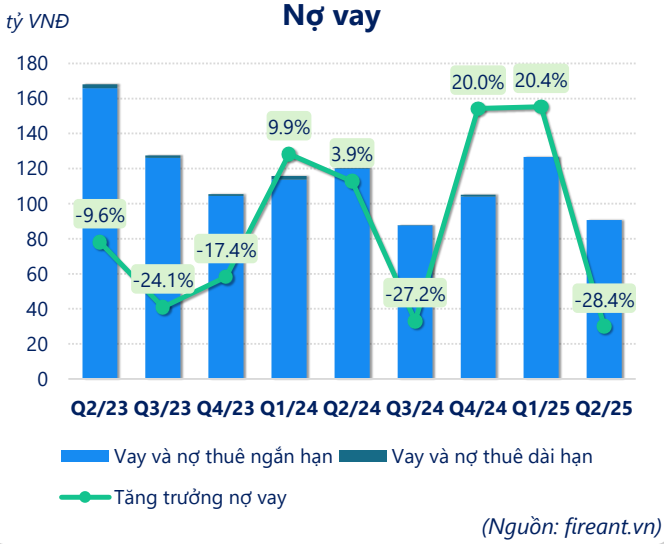
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



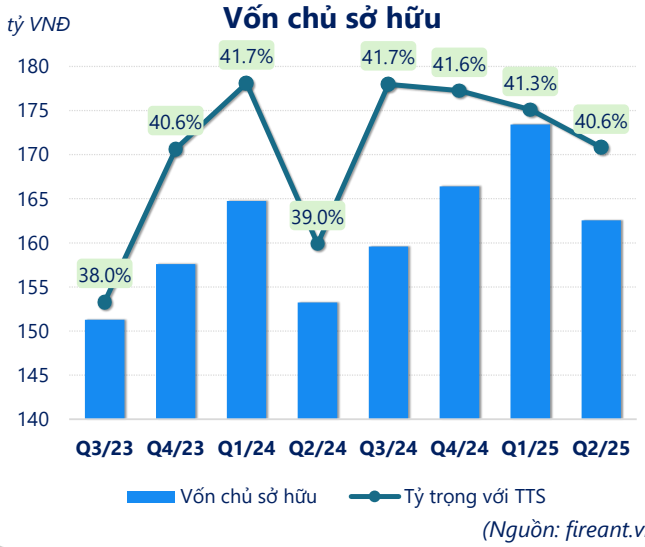
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



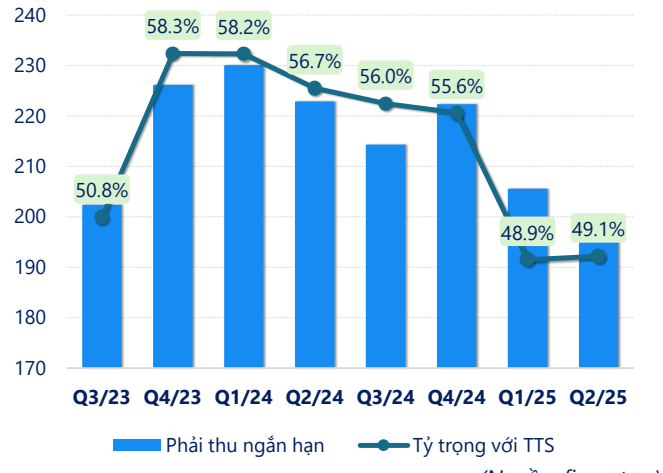
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



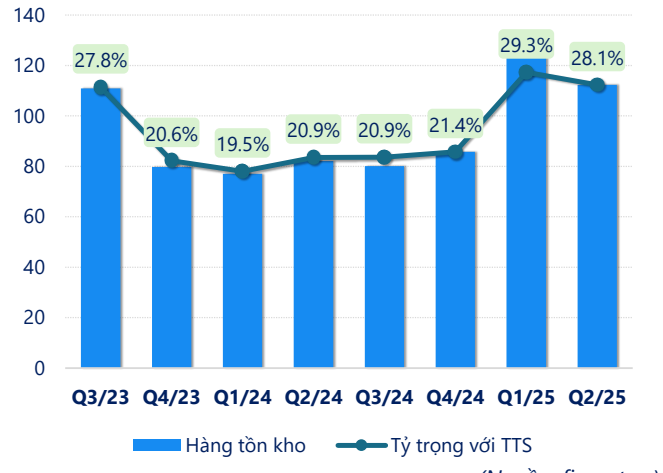
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



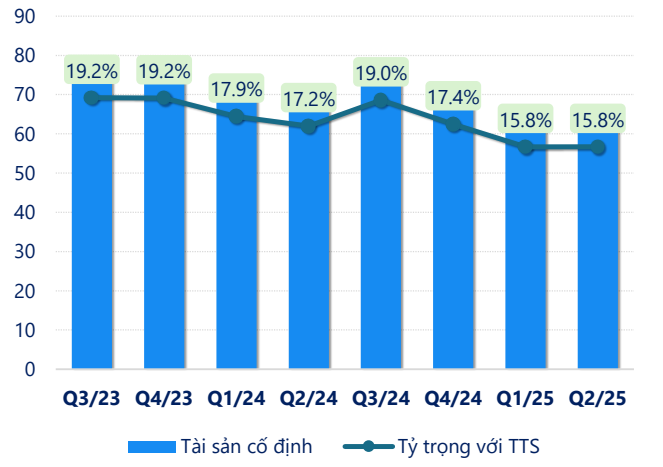
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



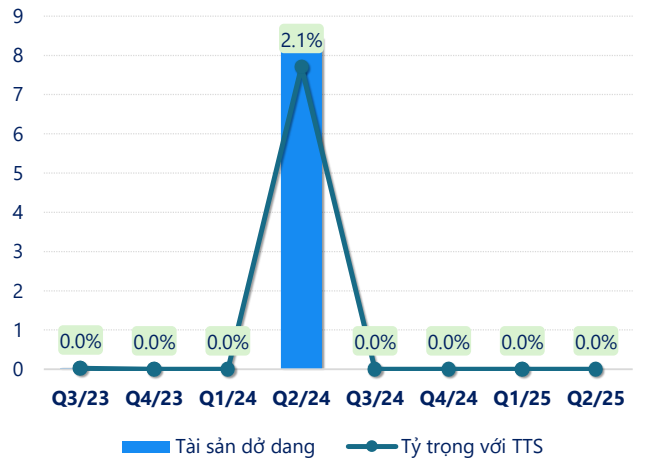
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



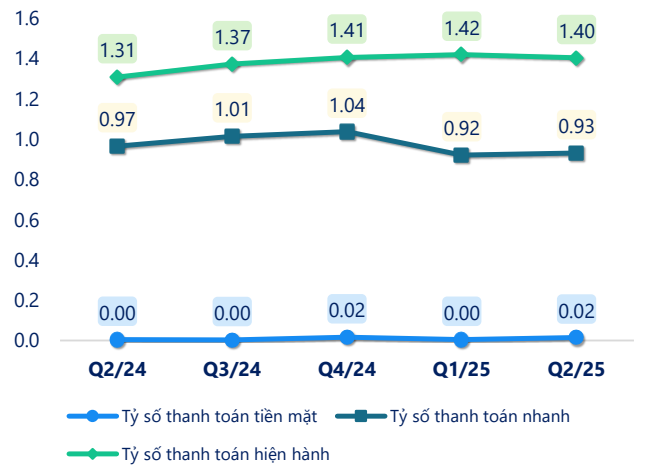
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**393**	**383**	**400**	**420**	**400**
Tài sản ngắn hạn	**313**	**306**	**327**	**351**	**334**
Tiền và tương đương tiền	1.01	0.65	3.82	1.03	3.61
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	223	214	222	206	196
Hàng tồn kho	82.1	80.0	85.8	123	112
Tài sản ngắn hạn khác	7.53	11.5	15.3	20.8	21.3
Tài sản dài hạn	**79.6**	**76.2**	**72.9**	**69.7**	**66.5**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	67.7	72.9	69.4	66.2	63.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.42	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.50	3.33	3.44	3.46	3.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**240**	**223**	**234**	**247**	**238**
Nợ ngắn hạn	**240**	**223**	**233**	**247**	**238**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	87.6	104	127	90.7
Phải trả người bán ngắn hạn	79.7	104	93.0	98.7	109
Nợ dài hạn	0.35	0.00	1.04	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	0.00	1.04	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**153**	**160**	**166**	**173**	**163**
Vốn chủ sở hữu	**153**	**160**	**166**	**173**	**163**
Vốn điều lệ	75.0	75.0	75.0	75.0	75.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)